

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05/2020/KDTM - PT**

Ngày 31 – 8 - 2020

V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Dũng**

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Quốc Thiện
 bà Lê Thị Anh Đào

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Đỗ Thị Ly Ly** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam*: ông **Nguyễn Quang Minh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLPT - KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng gia công.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2020/KDTM - ST ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2020/QĐXXPT - KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Tổng Công ty TL; địa chỉ: Số XX, NX, Phường YY, quận T, Thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Quang S – Sinh năm 19XX; địa chỉ: Lầu X, Tòa nhà TL, XXX NX, Phường YY, quận T, Thành phố H (*văn bản ủy quyền lập ngày 07 tháng 10 năm 2019*).

- **Bi đơn:** Công ty Cổ phần K; địa chỉ: thôn T, xã P, huyện QS, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: ông S – Giám đốc; địa chỉ: Chung cư TB, XX, NKK, phường B, quận T, thành phố N;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Mậu D – 19XX;

Địa chỉ: Số XX DD, phường M, quận C, thành phố N.

- Người kháng cáo: **bí đơn** - Công ty Cổ phần K;

Đại diện hợp pháp của các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hợp đồng kinh tế ngày 19 tháng 9 năm 2008 và các phụ lục hợp đồng do hai bên ký kết ngày 04 tháng 12 năm 2009 và ngày 12 tháng 8 năm 2010 thì Công ty Cổ phần K thực hiện sản xuất cát xay nghiền, đá dăm thành phẩm các loại theo yêu cầu của Tổng Công ty TL để thi công công trình Thủy điện ST 2, giá trị hợp đồng tạm tính là 72.000.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, Tổng Công ty TL đã thanh toán toàn bộ số tiền 11.885.156.442 đồng, sau

đó hai bên tiếp tục tiến hành đối chiếu công nợ ngày 31 tháng 12 năm 2013, xác định Công ty Cổ phần K còn nợ Tổng Công ty TL số tiền tạm ứng nhiên liệu, vật tư, điện... là 325.876.838 đồng. Do nhiều lần yêu cầu trả số tiền trên nhưng phía Công ty Cổ phần K không trả nên Tổng Công ty TL khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần K trả khoản nợ 646.285.195 đồng, gồm: 325.876.838 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả với lãi suất 15%/năm, tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2013 đến ngày 20 tháng 5 năm 2020 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 320.408.357 đồng.

Phía bị đơn thừa nhận còn nợ của nguyên đơn 325.876.838 đồng như quan điểm của nguyên đơn nhưng do kinh doanh khó khăn nên chưa thanh toán nợ được. Về tiền lãi, phía bị đơn chỉ chấp nhận trả lãi tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 theo tinh thần Công văn số 128 ngày 13 tháng 7 năm 2019 của phía nguyên đơn về gia hạn trả nợ đến sau ngày 31 tháng 7 năm 2019.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM - ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng khoản 1 Điều 30, các điều 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty TL về việc tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng gia công, Công ty Cổ phần K có nghĩa vụ thanh toán cho Tổng Công ty TL tổng số tiền 646.285.195 đồng, trong đó có 325.876.838 đồng nợ gốc và nợ lãi tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2013 đến ngày xét xử là 320.408.357 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/6/2020, bị đơn – Công ty Cổ phần K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM – ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho

nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2019 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 15%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không rút đơn kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần K thì thấy:

[2.1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án

Các đương sự là các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, có tư cách pháp nhân; không có chứng cứ thể hiện có đương sự, có tài sản có liên quan đến vụ án ở nước ngoài. Theo đó, Hội đồng xét xử xác định Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 30, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên không chấp nhận quan điểm kháng cáo của bị đơn về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Các bên thừa nhận nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng gia công do các bên ký kết năm 2008 là thuộc về nguyên đơn và đã được thực hiện xong, trong đó phía bị đơn đã được thanh toán 11.885.156.442 đồng, phía nguyên đơn đã được khấu trừ số tiền chi phí tạm ứng điện, vật tư là 3.349.880.987 đồng; hiện các bên không có tranh chấp gì liên quan đến nội dung hợp đồng; khoản nợ 325.876.838 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả phát sinh từ biên bản đối chiếu công nợ được các bên thực hiện sau thời điểm bên có nghĩa vụ thanh toán đã thanh toán xong các nghĩa vụ theo hợp đồng. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng gia công*” là chưa đúng với nguồn gốc, bản chất, thời điểm phát sinh của sự kiện pháp lý đang tranh chấp, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy cần sửa quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ này thành “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

[2.3]. Trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành bản án giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015, không chấp nhận quan điểm kháng cáo của phía bị đơn cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết.

[2.4]. Về khoản tiền nợ gốc: các bên thừa nhận bị đơn còn nợ của nguyên đơn 325.876.838, sự thừa nhận này phù hợp với chứng cứ thuộc vụ án nên Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ trên là có cơ sở.

[2.5] Về khoản tiền nợ lãi:

[2.5.1]. Trong quá trình tố tụng, các bên xác định bên B (*bị đơn*) không vi phạm các điều khoản trong hợp đồng, hai bên đã chấm dứt thực hiện hợp đồng

sau khi nguyên đơn thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán số tiền 11.885.156.442 đồng; các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng lập năm 2008 chỉ thể hiện việc “*khấu trừ tiền, nhiên liệu bên A đã chuyển cho bên B*” chứ không thể hiện việc bên B (*bị đơn*) phải có nghĩa vụ thanh toán cho bên A (*nguyên đơn*). Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2015 để buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng gia công là không đúng pháp luật, không phù hợp với thực tế, nguồn gốc, loại quyền mà nguyên đơn được hưởng cũng như nghĩa vụ mà bị đơn phải thực hiện trong vụ án này. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với số nợ do hai bên chốt nợ sau khi đã thực hiện xong các nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng gia công, nghĩa vụ trả lãi do chậm trả nợ của phía bị đơn được xác định theo quy định tại Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.5.2]. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận phải có nghĩa vụ trả số tiền 325.876.838 cho nguyên đơn sau ngày đối chiếu công nợ (30/10/2013); Công văn số 128/CV/CNMT – TV ngày 13 tháng 7 năm 2019 của Tổng Công ty TL không có nội dung thể hiện sự thỏa thuận hoặc ý chí, quan điểm của nguyên đơn về việc không tính lãi đối với số tiền nợ từ thời điểm đối chiếu công nợ (30/10/2013) đến thời điểm gia hạn trả nợ cuối cùng (31/07/2019), nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả khoản tiền trên là từ ngày 01 tháng 11 năm 2013 đến thời điểm xét xử là đúng pháp luật và phù hợp với quyền lợi của các bên. Theo đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận quan điểm kháng cáo của bị đơn về việc xác định thời điểm tính lãi chậm trả từ sau ngày 30 tháng 7 năm 2019.

[2.5.3] Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán...*”.

Đối chiếu quy định đã viện dẫn với nghĩa vụ trả tiền của bị đơn được xác định ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn đối với số tiền 325.876.838 theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005, với mức lãi suất 9%/năm (theo Quyết định 2668/QĐ – NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010), tổng số tiền lãi tính đến ngày xét xử phúc thẩm (31/8/2020) là 200.332.786 đồng.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM - ST ngày 25/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, buộc Công ty Cổ phần K phải trả cho Tổng Công ty TL số tiền 526.209.624 đồng, gồm: nợ gốc là 325.876.838 đồng và tiền lãi chậm trả là 200.332.786 đồng.

[3] Án phí:

[3.1]. Án phí KDTM sơ thẩm được tính lại cho phù hợp với phạm vi nội dung khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và phạm vi nghĩa vụ buộc bị đơn phải chịu.

[3.2]. Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên Công ty Cổ phần K không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bị đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Quyết định 2668/QĐ – NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước, xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM - ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần K phải trả cho Tổng Công ty TL số tiền **526.209.624** (năm trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm hai mươi bốn đồng), gồm: nợ gốc là **325.876.838** đồng và tiền lãi chậm trả là **200.332.786** đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Tổng Công ty TL có đơn yêu cầu thi hành án, mà Công ty Cổ phần K không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

- Tổng Công ty TL phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là 6.003.778 (sáu triệu không trăm lẻ ba nghìn bảy trăm bảy mươi tám) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007175 ngày 22 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn. Hoàn lại cho Tổng Công ty TL số tiền tạm ứng án phí còn thừa theo biên lai trên là 9.475.276 (chín triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi sáu) đồng.

- Công ty Cổ phần K phải chịu 25.048.384 (hai mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm tám mươi tư) đồng án phí KDTM sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần K không chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho Công ty Cổ phần K 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001565 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Quế Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Dũng